TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày 23/8/2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:** Ông Nguyễn Văn Ngữ
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô
Ông Phạm Đình Thìn
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

+ Bị đơn: Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hoàng Đức T ngày 02/7/2003, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không tin tưởng nhau nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, ai biết bổn phận của người đó, sống với nhau chỉ vì trách nhiệm với con. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn với anh Hoàng Đức T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Hoàng Nguyễn K, sinh ngày 15/11/2004. Hiện cháu đang ở với chị, khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc và ở xa, chị xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

* Anh Hoàng Đức T là bị đơn trong vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị T về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Cháu ở với mẹ từ năm 2010 đến nay, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn anh không đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc và ở xa, anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T, bị đơn là anh Hoàng Đức T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Hoàng Đức T kết hôn với nhau năm 2003 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện L, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng khác nhau, một phần là do nghi ngờ lòng chung thủy, không tin tưởng nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay, cắt đứt liên lạc và tình cảm từ đó, nay chị T xin ly hôn anh T đồng ý.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là chính đáng, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Chị T và anh T đều xác nhận vợ chồng có một con chung là Hoàng Nguyễn K, sinh ngày 15/11/2004, hiện đang ở cùng chị T, nay ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy cháu Hoàng

Nguyễn K do chị T nuôi dưỡng chăm sóc từ năm 2010 đến nay và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Anh Hoàng Đức T không có ý kiến gì về phần con chung nên HĐXX tiếp tục giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

T*ài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Cả chị T và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng T ly hôn anh Hoàng Đức T.

[2]. *Về nuôi con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng T tiếp tục nuôi con chung là Hoàng Nguyễn K, sinh ngày 15/11/2004. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Hoàn Đức T được quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0002417 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Chị Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ tiền án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các đ□ơng sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Lạng Giang*;
- *THADS huyện Lạng Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Q;*
- *Lưu*.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
đã ký

Nguyễn Văn Ngữ